

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/DS-PT

Ngày: 29/5/2019

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung,
thừa kế và quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình.

Các Thẩm phán:

- Ông Võ Trung Hiếu

- Ông Nguyễn Thanh Triều

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 22 và 29 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung, thừa kế và quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐPT-DS ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Dương Văn T, sinh năm 1943.

Địa chỉ: tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư Lê Trần Hồng T – Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Luật sư Võ Thanh V – Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai N và Công Sự - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Dương Văn U, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lôi Thị D- Văn phòng luật sư Lôi Thị D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Dương Thị L, sinh năm 1941 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Dương Thị Đ, sinh năm 1944 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3 Dương Thị L, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: số M Nguyễn H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.4 Dương Thị Lệ H, sinh năm 1958 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5 Dương Thị D, sinh năm 1981. (xin vắng mặt)

3.6 Dương Văn R, sinh năm 1986. (xin vắng mặt)

3.7 Dương Văn D, sinh năm 1990. (xin vắng mặt)

3.8 Dương Văn B, sinh 1988. (xin vắng mặt)

3.9 Dương Thị Diễm T, sinh 1993. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.10 Dương Minh V, sinh năm 1994. (xin vắng mặt)

3.11 Dương Phương T, sinh năm 1995. (xin vắng mặt)

3.12 Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số M Nguyễn H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.13 Trần Thị H, sinh năm 1952. (xin vắng mặt)

3.14 Dương Lan H, sinh năm 1989. (xin vắng mặt)

3.15 Dương Thùy D, sinh năm 1991. (xin vắng mặt)

3.16 Dương Thị Út N, sinh năm 1994. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Dương Văn T.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn là ông Dương Văn T và đại diện ủy quyền là ông Võ Thanh V trình bày:

Cha ông là cụ Dương Văn L và mẹ là cụ Nguyễn Thị L lúc sinh thời có tạo lập một phần đất diện tích 3.157m² tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 1978, cha mẹ ông có cho ông phần đất diện tích 500m² trong phần đất trên và ông cất nhà ở một phần, diện tích còn lại ông trồng cây và đào ao nuôi cá, khi cho chỉ nói miệng không có làm giấy tờ. Đến năm 1996 cụ L chết không để lại di chúc và đến năm 1999 thì ông Dương Văn U làm thủ tục sang tên cho ông U đứng tên, đến năm 2002 thì mẹ ông là cụ L chết cũng không để lại di chúc. Đến giữa năm 2015 thì ông Dương Văn U buộc ông phải di dời nhà trả lại phần đất trên cho ông U nên ông không đồng ý, vì cha

mẹ ông chết không để lại di chúc nên phần đất trên là sở hữu chung của các anh em ông.

Ông T khởi kiện yêu cầu ông U phải chia cho ông T diện tích 500m² nằm trong phần đất diện tích 3.157m², đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C do ông U đứng tên, qua đo đạc thực tế là 501,1m².

Ngày 19/9/2017 ông T có đơn khởi kiện bổ sung trình bày: Ngoài phần đất ông đã nêu, cha mẹ ông sau khi chết còn để lại căn nhà cấp 4 trị giá khoảng 140.000.000 đồng hiện nay ông U đang quản lý thờ cúng, ông yêu cầu chia theo kỷ phần cho 07 người thừa kế, ông nhận 01 kỷ phần theo giá Nhà nước định giá.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T có yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu ông U giao trả lại quyền sử dụng đất cho ông T diện tích 780m² và chia thừa kế đối với phần diện tích 2.377m², hai diện tích này nằm trong diện tích 3.157m²; rút lại yêu cầu khởi kiện trước đây là chia tài sản chung là diện tích 3.157m² cho 07 người, ông T yêu cầu được chia diện tích 500m²; giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà do cha mẹ để lại.

Đối với yêu cầu phản tố của ông U, thì ông Dương Văn T và bà Trần Thị H không đồng ý di dời chuồng heo, giếng nước, vật nuôi và cây trồng trả lại đất cho ông U vì phần đất này cụ L và cụ L đã cho vợ chồng ông bà.

** Bị đơn ông Dương Văn U có yêu cầu phản tố trình bày:*

Trước đây lúc cha mẹ ông còn sống đã có tạo lập khoảng 9.000m² đất vườn và 28.000m² đất ruộng và ông có tất cả 07 anh, chị em là ông Dương Văn T; ông Dương Văn L (chết năm 2011, có các con là anh Dương Văn D, chị Dương Thị D, anh Dương Văn R, anh Dương Văn B và chị Dương Thị Diễm T); bà Dương Thị L; bà Dương Thị Đ; bà Dương Thị L; bà Dương Thị Lệ H và ông là Dương Văn U. Khi cha ông còn sống đã chia đất cho các anh em của ông như sau: Ông T được chia 1.000m² đất vườn và 5.200m² đất ruộng, chia và bán cho ông L 4.500m² đất vườn và chia ông L 5.000 m² đất ruộng, bà H được chia 2.000m² đất ruộng và phần đất còn lại chia hết cho ông trong đó có 3.157m² đất vườn mà hiện nay ông T tranh chấp, riêng bà L, bà Đ và bà L thì không có chia. Sau khi cha ông chết đến năm 1999 thì mẹ ông làm thủ tục sang tên tách bộ cho các anh em ông trong đó có phần đất 3.157m² cha mẹ ông cho ông và các anh em của ông đều thống nhất. Nay ông xác định phần đất 3.157m² là tài sản của riêng ông, nên không đồng ý chia 500m² đất như ông T yêu cầu. Ngoài ra trên phần đất tranh chấp trước đây ông có đào ao nuôi cá nhưng thất bại, do công chuyện làm ăn xa nên ít khi về nhà, vào khoảng năm 2010 ông T xây dựng chuồng heo trong lúc ông vắng nhà, khi về ông phát hiện và có nói với ông T và ông T hứa sẽ không nuôi nữa nhưng không thực hiện và tiếp tục làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình ông và mọi người xung quanh. Năm 2015, ông có kiện ông

T ra Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu ông T chấm dứt việc nuôi heo và ông T hứa nhưng cũng không thực hiện. Lúc còn sống cha, mẹ ông cũng không có hứa cho ông T phần đất 500m² như ông T yêu cầu mà chỉ cho cất nhà tạm ở mé sông để sửa máy và ông T chiếm dụng cho đến nay. Nay ông yêu cầu phản tố yêu cầu ông T và bà Trần Thị H phải di dời cây trồng, vật nuôi và công trình kiến trúc trên đất (gồm chuồng heo và giếng nước) trả lại 500m² đất cho ông.

- Đối với yêu cầu chia thừa kế căn nhà của ông T thì ông không đồng ý vì căn nhà của cha mẹ để lại là nhà lá hiện nay đã không còn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Dương Thị L, Dương Thị Đ, Dương Thị L và bà Dương Thị Lệ H thống nhất trình bày: Tất cả đều xác định lúc cha mẹ các bà còn sống đã chia phần cho các con, trong đó ông T được chia 1.000 m² đất vườn và 5.000m² đất ruộng, còn ông U được chia 3.157m² đất vườn và phần đất ruộng còn lại. Các bà xác định đây là tài sản riêng của ông U không phải là tài sản của cha mẹ để lại chưa chia, các bà cũng không đồng ý chia cho ông T là 500m² đất như ông T yêu cầu và các bà cũng không yêu cầu chia vì cha mẹ đã phân chia hết nên không còn tài sản để lại.

- Anh Dương Văn D trình bày: anh D không có yêu cầu chia như ông Thông yêu cầu vì phần cha của anh là ông Dương Văn L đã được chia rồi.

- Chị Dương Thị D, anh Dương Văn R, anh Dương Văn B và chị Dương Thị Diễm T; Riêng chị D, chị T, anh R và anh B dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

- Bà Nguyễn Thị N, bà Dương Phương T và ông Dương Minh V thống nhất trình bày: Các ông bà không đồng ý chia cho ông T 500m² đất như ông T yêu cầu.

*. Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 07/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng vào các Điều, 26, 35, 217, 218, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 179 Luật đất đai; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 168, 609, 612, 613, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP, ngày 10/8/2004 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T ủy quyền cho anh Võ Thanh V về yêu cầu chia thừa kế căn nhà do cha mẹ để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Văn U.

- Buộc ông Dương Văn T và bà Trần Thị H thu hoạch tài sản gồm: Vật nuôi dưới ao, di dời 13 gốc mai kiểng để trả lại phần đất diện tích 500m^2 nằm trong thửa 657, có diện tích 3.157m^2 do ông Dương Văn U đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (qua đo đạc thực tế là $501,1\text{m}^2$, trong đó gồm có ao cá + giếng nước + chuồng heo + cây dừa + mai kiểng) có tứ cận như sau:

- + Đông giáp phần đất còn lại của ông Dương Văn U có số đo 20m;
- + Nam giáp con mương ranh giữa ông U với ông Đặng Văn P có số đo 26m;
- + Tây giáp đường đall nông thôn có số đo 20,01m;
- + Bắc giáp phần đất còn lại của ông Dương Văn U có số đo 26m;
- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Văn U hoàn trả giá trị cây dừa cho ông T số tiền là 5.800.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông U chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn là yêu cầu chia tài sản chung diện tích $3,157\text{m}^2$ của cha mẹ để lại, ông T được chia 500m^2 thuộc thửa đất số 657 do ông Dương Văn U đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 20/8/2018, nguyên đơn ông Dương Văn T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án.

- Ngày 21/8/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị số 502/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Dương Văn T trình bày yêu cầu kháng cáo, ông yêu cầu ông Dương Văn U phải trả cho ông diện tích đất 780m^2 (gồm 2 phần đất đo đạc thực tế là $193,1\text{m}^2$ và $519,2\text{m}^2$) và chia thừa kế theo pháp luật phần đất còn lại diện tích đo đạc thực tế $1912,3\text{m}^2$ thuộc thửa 675 cho hàng

thừa kế; đối với căn nhà thờ ông đồng ý bản án sơ thẩm không chia thừa kế để căn nhà cho ông U quản lý; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông U.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Tại phiên tòa ông Dương Văn U không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; giữ nguyên yêu cầu phản tố, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng nghị.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông U đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của ông U, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có ý kiến giữ nguyên quyết định kháng nghị số 502/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Dương Thị L, Dương Thị Đ, Dương Thị Lệ H, Dương Thị D, Dương Văn R, Dương Văn D, Dương Văn B, Dương Thị Diễm T, Dương Minh V, Dương Phương T, Nguyễn Thị N, Trần Thị H, Dương Lan H, Dương Thùy D, Dương Thị Út N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và kháng nghị xét thấy:

Phần đất mà các bên tranh chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1358 ngày 14/8/1999 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Dương Văn U diện tích 3.157m², thửa 657, tờ bản đồ số TTC2, tọa lạc ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của vợ chồng cụ Dương Văn L (chết năm 1996) và cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2002) là cha mẹ của ông Dương Văn T, Dương Văn U. Theo kết quả đo đạc ngày 25/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C phần đất trên có diện tích 2.618,3m² (bao gồm 193,1m² có nhà ông T, diện tích 512,9m² có

chuồng heo, ao cá ông T đang quản lý và diện tích 1912,3m² có nhà thờ ông Út đang quản lý).

Xét thấy tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông U chia tài sản chung là diện tích đất 3.157m², ông yêu cầu ông U chia cho ông 500m² (đo đạc thực tế là 512,9m²) nằm trong diện tích 3.157m², tại phiên tòa sơ thẩm ông T có yêu cầu thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút lại yêu cầu chia 500m² đất nêu trên, đồng thời yêu cầu ông U trả cho ông diện tích đất 780m² (đo đạc thực tế gồm hai phần đất diện tích 193,1m² và 512,9m²) và yêu cầu chia thừa kế diện tích đất còn lại 1912,3m² của thửa 657; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại phiên tòa sơ thẩm mà ông T thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như trên là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu bởi cùng đối tượng khởi kiện là diện tích 3.157m² nhưng hoàn toàn khác nhau về nội dung, diện tích đất tranh chấp và quan hệ pháp luật tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự rút và không chấp nhận yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ phù hợp pháp luật, do đó ông T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông U trả diện tích đất 780m² (đo đạc thực tế gồm hai phần đất diện tích 193,1m² và 512,9m²) thuộc một phần thửa 657 và chia thừa kế phần đất còn lại của thửa 657 diện tích 1912,3m² là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của ông U nhận thấy: Theo ông T trình bày vào năm 1978 cha mẹ ông là cụ L và cụ L nói miệng cho ông T diện tích đất 780m² thuộc một phần thửa 657, trên phần đất trên ông đã sử dụng cất nhà ở, trồng cây đào ao nuôi cá và xây chuồng để nuôi heo. Phần đất còn lại thửa 657 thì cha mẹ ông cất nhà cấp 4 ở cùng với vợ chồng Dương Văn U. Năm 1996 cụ L chết, năm 2002 cụ L chết không để lại di chúc, sau khi cụ L chết ông Dương Văn U kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm luôn diện tích 780m² mà cha mẹ ông đã cho ông.

Không thừa nhận lời trình bày của ông T, ông U cho rằng cha mẹ ông có 7 người con, lúc sinh thời có tạo lập khoảng 9.000m² đất vườn và 28.000m² đất ruộng. Khi còn sống cha mẹ đã chia cho ông T 1.000m² đất vườn và 5.200m² đất ruộng, ông L được chia và mua lại tổng cộng 4.500m² đất vườn và ông L được chia 5.000m² đất ruộng, chia cho bà H 2.000m² đất ruộng; phần đất ruộng còn lại và 3.157m² đất vườn thuộc thửa 657 đang tranh chấp cha mẹ chia hết cho ông, và ông đã tiến hành kê khai được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông

không đồng ý yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông T, ông U yêu cầu phản tố yêu cầu ông T trả diện tích qua đo đạc thực tế là 512,9m² thuộc thửa 657.

Xét thấy ông T và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T cho rằng theo công văn số 2580/TL-VPĐK ngày 23/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang thể hiện thửa số 11 lô 567, diện tích 780m² do Dương Văn C kê khai mục kê ngày 20/9/1983 và theo xác nhận của Công an xã T ngày 20/7/2018 thì Dương Văn T và Dương Văn C là một người, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông T lại khẳng định ông không kê khai và cho rằng cụ L đã kê khai tặng cho ông diện tích 780m², nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông U.

Xét thấy tại công văn số 1151/VPĐK ngày 03/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang thì thửa 657 tờ bản đồ TTC2, diện tích 3.157m² hiệc các bên tranh chấp thuộc thửa 11+ 01 phần thửa số 12 - lô 567 theo sổ đăng ký ruộng đất được Ủy ban nhân dân xã T ký ngày 20/9/1983 tên chủ sử dụng đất các thửa 11, 12 lần lượt là Dương Văn C, Dương Văn L; hồ sơ theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 được lập vào khoảng năm 1982 đến 1985, trong khoảng thời gian từ 1982 đến 1985 đã có biến động về chủ sử dụng đất so với hồ sơ địa chính nên việc xác định chỉ tương đối và theo mục kê đất đai được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang phê duyệt ngày 18/9/2008 thì người sử dụng, quản lý thửa đất 657 là hộ Dương Văn U. Đồng thời kết quả xác minh tại Công an xã T ngày 10/4/2019 thì Dương Văn T có tên thường gọi là Năm C, không có tên gọi Dương Văn C như chứng cứ mà ông Thông cung cấp; Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ông T cất nhà trên đất năm 1980, đến khoảng năm 2010 khi vợ chồng ông U về Vĩnh Long sinh sống thì ông T xây chuồng nuôi heo, ao nuôi cá và Ủy ban nhân dân xã có niêm yết công khai trước khi đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U đúng theo quy định pháp luật. Như vậy có đủ cơ sở xác định phần đất thửa 657 mà các bên tranh chấp có nguồn gốc của cụ L, cụ L, sau khi cụ L chết năm 1999 ông U tiến hành kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước thời điểm cụ L chết, ông T biết việc ông U kê khai được cấp giấy đất nhưng không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì và năm 2010 khi vợ chồng ông U không có ở địa phương (theo ông U trình bày là đi làm thuê ở Vĩnh Long) thì ông T sử dụng một phần diện tích xây chuồng heo, cải tạo ao nuôi cá trên phần đất đo đạc thực tế là 512,9m².

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T không lý giải và đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh lý do vì sao ông không tiến hành kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất

780m² ? Đồng thời căn cứ vào lời trình bày của các bà Dương Thị L, Dương Thị Đ, Dương Thị L, Dương Thị Lệ H là chị em ruột của ông T, ông U thì phần diện tích thửa đất tranh chấp đã được cha mẹ phân chia cho ông U trước khi chết. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất 512,9m² thuộc một phần thửa 657 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông U và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông U buộc ông T và bà H trả phần đất diện tích 512,9m² nêu trên cho ông U là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, không chấp yêu cầu kháng cáo của ông T và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T.

Xét yêu cầu kháng nghị xét thấy: vào ngày 24/10/2017 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 69/2017/TB-TLVA nhưng hồ sơ vụ án không thể hiện văn bản tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01 tháng 4 năm 2019 các đương sự Dương Thị L, Dương Thị Đ, Dương Thị L, Dương Thị D, Dương Văn R, Dương Văn D, Dương Văn B, Dương Thị Diễm T có ý kiến cho rằng các đương sự đã nhận được thông báo thụ lý bổ sung vụ án nêu trên thông qua nhân viên Bru chính trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét các đương sự thừa nhận đã nhận văn bản tố tụng trên đúng thời hạn, nên thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc không lưu văn bản xác nhận việc tổng đạt là không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông Thông đồng ý bản án sơ thẩm đối với căn nhà thờ không chia thừa kế để căn nhà trên cho ông U quản lý, nên không cần thiết thu thập những chứng cứ xác định căn nhà cụ L và cụ L chết để lại còn giá trị là bao nhiêu, đồng thời quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã thu thập chứng cứ làm rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U là đúng quy định pháp luật về đất đai như đã nhận định nêu trên, nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm; do đó không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 502/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đối với căn nhà ông T đang ở trên diện đất 193,1m², thuộc một phần thửa 657, do ông U không tranh chấp và không có yêu cầu, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Đối với yêu cầu rút phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bản án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử phần này, do bị đơn có yêu cầu phản tố có liên quan trong phần diện tích mà nguyên đơn yêu cầu, mà yêu cầu phản tố diện tích

500m² (đo thực tế 512,9m²,) của ông U được chấp nhận nên xem như phần diện tích tranh chấp này đã giải quyết, khi đình chỉ ông T không được quyền khởi kiện lại.

Bản án sơ thẩm ghi nhận ông U hoàn trả giá trị 07 cây dừa cho ông T số tiền là 5.800.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm ông U tự nguyện hoàn trả thêm cho ông T giá trị chuồng heo 3.640.000 đồng và giá trị giếng khoan là 1.656.000 đồng theo biên bản định giá; tổng cộng ông U tự nguyện hoàn trả cho ông T giá trị cây dừa, giá trị chuồng heo, giếng nước là 11.096.000 đồng nên ghi nhận, đồng thời căn cứ kết quả đo đạc ngày 25/02/2019 thì phần đất ông T phải trả cho ông U có diện tích là 512,9m² (bản án sơ thẩm xác định 501,1m²), do đó cần sửa một phần bản án sơ thẩm để điều chỉnh cho phù hợp.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông Dương Văn T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 217, 218, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 179 Luật đất đai; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 166, 609, 612, 613, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP, ngày 10/8/2004 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn T.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 502/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 21/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T về yêu cầu chia thừa kế căn nhà do cha mẹ để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Văn U.

- Buộc ông Dương Văn T và bà Trần Thị H thu hoạch tài sản gồm: vật nuôi dưới ao, di dời 13 gốc mai kiểng trả cho ông Dương Văn U phần đất diện tích 512,9m² thuộc một phần thửa 657, có diện tích 3.157m², tọa lạc tại tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do hộ ông Dương Văn U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1538/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/8/1999 và tài sản gắn liền trên đất gồm:

- + Chuồng heo có kết cấu mái tole, kèo và đòn tay gỗ, cột bê tông đúc sẵn, nền xi măng diện tích 3m x 8,2m,
- + Giếng khoan tầng nông gắn liền chuồng heo.
- + Cây dừa: loại A 05 cây, loại B1 05 cây.
- + Cây sầu riêng loại B2: 02 cây.
- + Cây mít: loại A 01 cây, loại B1 01 cây, loại B2 04 cây, loại C 05 cây.
- + Chuối loại C: 06 cây.
- + Cây mai kiểng: 01 cây.

Vị trí đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đất Nguyễn Thị H.
- + Nam giáp đất ông Đặng Văn P.
- + Tây giáp đường bê tông
- + Bắc giáp phần đất còn lại của ông Dương Văn U
(Có sơ đồ đặc ngày 25/02/2019 kèm theo)

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Văn U hoàn trả giá trị cây dừa, chuồng heo, giếng khoan cho ông Dương Văn T số tiền là 11.096.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông U chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn là yêu cầu chia tài sản chung diện tích 3,157m² của cha mẹ để lại, ông T yêu cầu được chia 500m² thuộc thửa đất số 657 do hộ ông Dương Văn U đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại tổ B, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về án phí:

- + Án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.000.000 đồng án phí yêu cầu chia thừa kế và 1.378.000 đồng án phí chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, ông T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đối với phần yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04749 ngày 02/02/2016 và số 07717 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; nên phải nộp tiếp số tiền 328.000 đồng.

Ông Dương Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 05057 ngày 14/4/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 100.000 đồng.

+ Án phí phúc thẩm:

Ông Dương Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09159 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C
 - THADS huyện C
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2019-M

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình

